



shèn zàng

肾脏

noun · kidney

Example Sentences

Yī shēng jiǎn chá le tā de shèn zàng gōng néng
医生检查了他的肾脏功能。

The doctor examined his kidney function.

Shèn zàng shì rén tǐ de zhòng yào qì guān
肾脏是人体的重要器官。

The kidney is an important organ of the human body.

Trace each character, then write the word on your own.

肾	肾	肾	肾	肾	肾	肾	肾	肾	肾	肾
脏	脏	脏	脏	脏	脏	脏	脏	脏	脏	脏
脏	脏									